

BỘ Y TẾ
VIỆN BỎNG LÊ HỮU TRÁC
DANH MỤC ĐƠN GIÁ CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT ÁP DỤNG TẠI VIỆN BỎNG
(Áp dụng theo công văn số 3158/QĐ - BHYT Ngày 31 tháng 8 năm 2012)

Mã	Dịch vụ - Kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá
PHẪU THUẬT			
P1501	Che phủ khuyết hồng lớn bằng vi phẫu kết hợp với ghép	1 lần	2,500,000
P1500	Che phủ khuyết tổn bong lóc da sau chấn thương trên 10	"	1,500,000
P1407	Che phủ khuyết tổn da > 10% DTCT sau chấn thương	"	1,500,000
P1419	Che phủ khuyết tổn da từ 5 - 10% DTCT sau chấn thươn	"	1,000,000
P1443	Chuyển vạt da cân có cuống mạch nuôi	"	1,500,000
P1540	Cắt cụt 1/3 dưới cánh tay	"	1,000,000
P1536	Cắt cụt 1/3 dưới cẳng chân	"	1,000,000
P1541	Cắt cụt 1/3 dưới cẳng tay	"	1,000,000
P1533	Cắt cụt 1/3 dưới đùi.	"	1,500,000
P1539	Cắt cụt 1/3 giữa cánh tay	"	1,000,000
P1534	Cắt cụt 1/3 giữa cẳng chân	"	1,000,000
P1543	Cắt cụt 1/3 giữa cẳng tay	"	1,000,000
P1531	Cắt cụt 1/3 giữa đùi.	"	1,500,000
P1538	Cắt cụt 1/3 trên cánh tay	"	1,000,000
P1535	Cắt cụt 1/3 trên cẳng chân	"	1,000,000
P1542	Cắt cụt 1/3 trên cẳng tay	"	1,000,000
P1532	Cắt cụt 1/3 trên đùi.	"	1,500,000
P1420	Cắt cụt cánh tay	"	1,000,000
P1422	Cắt cụt cẳng chân	"	1,000,000
P1421	Cắt cụt cẳng tay	"	1,000,000
P1408	Cắt cụt đùi	"	1,500,000
P1413	Cắt hoại tử kiểu tiếp tuyến 10 - 15% DTCT ở người lớn	"	1,000,000
P1427	Cắt hoại tử kiểu tiếp tuyến < 10% DTCT ở người lớn	"	700,000
P1429	Cắt hoại tử kiểu tiếp tuyến < 3% DTCT ở trẻ em	"	700,000
P1401	Cắt hoại tử kiểu tiếp tuyến > 15% DTCT ở người lớn	"	1,800,000
P1403	Cắt hoại tử kiểu tiếp tuyến > 8% DTCT ở trẻ em	"	1,800,000
P1415	Cắt hoại tử kiểu tiếp tuyến từ 3 - 8% DTCT ở trẻ em	"	1,000,000
P1416	Cắt hoại tử kiểu toàn bộ 1 - 3% DTCT ở trẻ em	"	1,000,000
P1428	Cắt hoại tử kiểu toàn bộ < 3% DTCT ở người lớn	"	700,000
P1404	Cắt hoại tử kiểu toàn bộ > 3% DTCT ở trẻ em	"	1,800,000
P1402	Cắt hoại tử kiểu toàn bộ > 5% DTCT ở người lớn.	"	1,800,000
P1466	Cắt hoại tử kiểu toàn bộ > 5% DTCT ở người lớn	"	1,800,000
P1430	Cắt hoại tử kiểu toàn bộ dưới 1% DTCT ở trẻ em	"	600,000
P1414	Cắt hoại tử kiểu toàn bộ từ 3 - 5% DTCT ở người lớn	"	1,000,000
P1442	Cắt sẹo chuyển vạt có cuống mạch	"	2,500,000
P1508	Cắt sẹo chuyển vạt da có nối mạch vi phẫu	"	2,500,000
P1522	Cắt sẹo, tạo hình bằng các vạt da tại chỗ đơn giản	"	800,000
P1461	Ghép da dày toàn bộ (kiểu W - K)	"	1,500,000
P1405	Ghép da tự thân > 10% DTCT ở người lớn	"	1,800,000
P1406	Ghép da tự thân > 10% DTCT ở trẻ em	"	1,800,000
P1417	Ghép da tự thân từ 5 - 10% DTCT ở người lớn	"	1,000,000
P1418	Ghép da tự thân từ 5 - 10% DTCT ở trẻ em	"	1,000,000
P1431	Ghép da tự thân từ < 5% DTCT ở người lớn	"	600,000
P1432	Ghép da tự thân từ < 5% DTCT ở trẻ em	"	600,000

P1450	Ghép da đồng loại > 10% DTCT ở người lớn	"	1,000,000
P1449	Ghép da đồng loại > 10% DTCT ở trẻ em	"	1,000,000
P1448	Ghép da đồng loại từ 5 - 10% DTCT ở người lớn	"	1,000,000
P1447	Ghép da đồng loại từ 5 - 10% DTCT ở trẻ em	"	1,000,000
P1457	Lấy da đồng loại > 10 % DTCT ở người lớn	"	1,000,000
P1456	Lấy da đồng loại > 10 % DTCT ở trẻ em	"	1,000,000
P1455	Lấy da đồng loại từ 5 - 10 % DTCT ở người lớn	"	1,000,000
P1454	Lấy da đồng loại từ 5 - 10 % DTCT ở trẻ em	"	1,000,000
P4172	Mức nội nhân (có độn hoặc không độn)	"	380,000
P1551	Nâng vú bằng túi huyết thanh (chưa kể túi)	"	1,000,000
P1550	Nâng vú bằng vật liệu Silicol (chưa kể túi)	"	1,000,000
P1425	Nạo đục xương chết, xương viêm, dẫn lưu	"	1,000,000
P1411	Nạo đục xương viêm và chuyển vật da che phủ	"	1,500,000
P1520	PT Cắt sẹo chuyển vật	"	1,000,000
P1519	PT chuyển gân điều trị bàn chân rũ do liệt vận động	"	1,500,000
P1518	PT chuyển gân điều trị cò tay do liệt vận động	"	1,500,000
P1521	PT căng giãn da bằng loại túi lớn (chưa kể túi)	"	1,000,000
P1513	PT cắt dị tật bàn tay và ngón tay	"	1,500,000
P1512	PT cắt dị tật ngón chân từ 2 ngón trở lên	"	1,500,000
P1511	PT cắt dị tật ngón tay từ 2 ngón trở lên	"	1,500,000
P1510	PT tạo hình các vật da có cuống mạch liền.	"	1,500,000
P1514	PT tạo hình mũi từng phần	"	1,500,000
P1516	PT tạo hình tháp mũi do bỏng hoặc chấn thương	"	1,700,000
P1515	PT tạo hình vú bằng các vật da - cơ	"	1,800,000
P1504	Phẫu thuật chuyển ngón chân	"	2,500,000
P1505	Phẫu thuật chuyển ngón tay	"	2,500,000
P1553	Phẫu thuật căng da mí mắt, căng da khoé mắt.	"	1,000,000
P1566	Phẫu thuật căng da mặt	"	1,200,000
P1444	Phẫu thuật cắt cụt 1/3 giữa cánh tay hai bên	"	1,000,000
P1426	Phẫu thuật cắt hoại tử chuyển vật da	"	700,000
P1558	Phẫu thuật cắt sẹo ghép da mảnh mỏng.	"	700,000
P1469	Phẫu thuật kết 2 xương cẳng chân	"	1,000,000
P1462	Phẫu thuật kết xương bánh chè	"	1,000,000
P1468	Phẫu thuật kết xương đùi	"	1,000,000
P1548	Phẫu thuật lấy mỡ bụng, thu gọn thành bụng.	"	1,700,000
P1564	Phẫu thuật nâng sống mũi (chưa gồm vật liệu thay thế)	"	1,800,000
P1561	Phẫu thuật nâng vú xệ	"	1,800,000
P1471	Phẫu thuật nối bàn chân đứt rời	"	2,500,000
P1562	Phẫu thuật nối bàn chân đứt rời	"	2,500,000
P1470	Phẫu thuật nối bàn tay đứt rời	"	2,500,000
P1547	Phẫu thuật thu gọn, tạo hình vú.	"	1,800,000
P1524	Phẫu thuật tháo khớp khuỷu	"	1,000,000
P1554	Phẫu thuật tháo đốt bàn chân.	"	600,000
P1555	Phẫu thuật tháo đốt bàn tay.	"	600,000
P1556	Phẫu thuật tháo đốt ngón chân	"	600,000
P1557	Phẫu thuật tháo đốt ngón tay	"	600,000
P4174	Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liền	"	1,500,000
P1565	Phẫu thuật tạo hình khe hở vòm miệng.	"	1,200,000
P1552	Phẫu thuật tạo hình núm vú.	"	1,000,000
P1546	Phẫu thuật tạo hình vành tai từng phần (1 bên).	"	1,000,000

P1559	Phẫu thuật tạo hình vành tai từng phần (2 bên).	"	1,500,000
P1502	Phẫu thuật vi phẫu chuyển vật da có cuống mạch.	"	2,000,000
P1467	Rút đinh tháo phương tiện kết xương	"	1,000,000
P1560	Thu gọn mông đùi, căng da mông đùi	"	1,700,000
P1435	Tháo bỏ các ngón chân	"	600,000
P1434	Tháo bỏ các ngón tay	"	600,000
P1424	Tháo khớp cổ tay	"	1,000,000
P1549	Tháo khớp cổ tay	"	1,000,000
P1451	Tháo khớp gối	"	1,000,000
P1410	Tháo khớp háng	"	1,500,000
P1423	Tháo khớp khuỷu	"	1,000,000
P1409	Tháo khớp vai	"	1,500,000
P1436	Tháo đốt bàn chân	"	600,000
P1437	Tháo đốt bàn tay	"	600,000
P1537	Tạo hình nâng mí mắt, sa, trễ (1 bên)	"	1,000,000
P1507	Tạo hình dương vật phẫu thuật 1 thì	"	2,500,000
P1517	Tạo hình mí mắt do bỏng hoặc chấn thương	"	1,500,000
P1503	Tạo hình vú bằng vi phẫu thuật tổ chức phức hợp	"	2,500,000
P1506	Tạo hình âm đạo	"	2,500,000
P1526	Đặt túi căng giãn da bé (chưa kể túi)	"	700,000
P1544	Đục nạo xương viêm và chuyển vật da che phủ.	"	1,500,000
P1460	Đục xương sọ ghép da che phủ	"	1,000,000